

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/KDTM-PT
Ngày 20-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán:

Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-KDTM ngày 24/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (viết tắt TMCP) Đ; địa chỉ: số 130, đường Phan Đăng L, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Việt H – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P; địa chỉ: số 139, đường Nguyễn Văn T2, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định ủy quyền số 753/QĐ-DAB-PC ngày 06/5/2021).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) B1; địa chỉ: lô K3, đường N, khu công nghiệp Nam T1, phường K, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đức T3, sinh năm 1991 và ông Trần Đăng Q, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: số 956/42 C, đường Q, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 16/12/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô K3, đường N, khu công nghiệp Nam T1, phường K, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Hồng T4 – Giám đốc Công ty.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH Bao bì B1.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH Bao bì B1 (sau đây viết tắt Công ty B1) và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ) có thỏa thuận về việc ngân hàng cấp tín dụng cho Công ty B1, thực hiện thỏa thuận cụ thể bằng các hợp đồng vay như sau:

- **Khoản cấp tín dụng đợt 1:** Công ty B1 vay Ngân hàng Đ theo 13 hợp đồng vay vốn, bao gồm: Hợp đồng vay vốn số 03401H0371/1 ngày 19/12/2011; Hợp đồng vay vốn số 03401H0446/1 ngày 30/10/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0373/1 ngày 22/12/2011; Hợp đồng vay vốn số 03401H0376/1 ngày 06/01/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0378/1 ngày 10/01/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0385/1 ngày 02/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0389/1 ngày 07/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0390/1 ngày 07/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0392/1 ngày 13/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0395/1 ngày 24/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0400/1 ngày 08/3/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0401/1 ngày 15/3/2012 và Hợp đồng vay vốn số 03401H0428/1 ngày 06/9/2012.

Tổng số tiền vay của 13 hợp đồng trên là 19.815.000.000 đồng.

Bảo lãnh cho số tiền vay của 13 Hợp đồng ở trên của Công ty B1, ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 ký Hợp đồng thế chấp số H.0020-12/HĐTC-BL ngày 07/11/2012 với Ngân hàng Đ; theo đó tài sản thế chấp là nhà đất tại Lô O14, khu dân cư M, Phường C, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp là: “Hợp đồng mua bán do Công ty Đầu tư và Phát triển Đ bán cho ông Nguyễn Quốc T5 và ông Nguyễn Quốc T5 bán lại cho ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4”; nghĩa vụ bảo lãnh tối đa của ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 đối với tài sản thế chấp là 19.300.000.000 đồng.

Công ty B1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán; tính đến ngày 25/7/2014, dư nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn theo 13 hợp đồng vay của Công ty B1 bao gồm: Tiền gốc 18.509.500.000 đồng, lãi trong hạn: 6.393.353.372 đồng, lãi quá hạn: 3.196.676.688 đồng; tổng cộng 28.099.530.060 đồng.

Tuy nhiên, phần nợ gốc 18.509.500.000 đồng, Công ty B1, Ngân hàng Đ và ông M, bà T4 đã thỏa thuận cần trừ vào tài sản thế chấp nên Ngân hàng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngân hàng Đ yêu cầu Công ty B1 phải thanh toán cho số tiền lãi của 13 Hợp đồng vay nêu trên là 9.590.030.060 đồng.

- **Khoản cấp tín dụng đợt 2:** Công ty B1 vay Ngân hàng Đ theo 08 hợp đồng vay vốn, bao gồm:

Hợp đồng vay vốn số H.0360/1 ngày 10/11/2011; Hợp đồng vay vốn số H.0364/1 ngày 06/12/2011; Hợp đồng vay vốn số H.0366/1 ngày 09/12/2011; Hợp đồng vay vốn số H.0374/1 ngày 28/12/2011; Hợp đồng vay vốn số H.0404/1 ngày 21/3/2012; Hợp đồng vay vốn số H.0406/1 ngày 27/3/2012; Hợp đồng vay vốn số H.0447/1 ngày 01/11/2012; Hợp đồng vay vốn số H.0009/12 ngày 23/7/2010.

Tổng số tiền vay của 08 hợp đồng trên là 10.240.750.000 đồng.

Để bảo đảm cho số tiền vay, Công ty B1 thế chấp tài sản của công ty cho Ngân hàng Đ theo Hợp đồng thế chấp số H0027/HĐTC ngày 16/7/2009 và Hợp đồng thế chấp số H.0001-12/TC ngày 22/02/2012 (có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật). Tài sản thế chấp là 11 lô máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty B1; cụ thể như sau: 01 máy tạo sợi giải nhiệt bằng hơi nước Model DS-FY-T100W2; 10 máy dệt tròn, Model DS-4/720LH; 01 máy in Flexco 5 màu; 01 máy in Flexco 9 màu; 01 máy in bao PP 5 màu; 01 máy cắt tự động không bắt hình in; 01 bộ băng tải đếm và xếp bao; 01 máy thổi túi PP khổ 1 mét; 01 máy kéo tạo sợi PP 220 sợi SX tại Đài Loan; 01 máy tráng 02 mặt ĐDK-900 và 04 máy dệt SX tại Việt Nam.

Từ ngày 23/7/2010 đến ngày 15/7/2014, Công ty Bao bì B1 đã trả số tiền 9.830.623.255 đồng (gốc: 8.168.250.000 đồng; lãi trong hạn: 1.401.206.291 đồng và lãi quá hạn: 261.166.964 đồng). Sau đó, Công ty B1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; từ ngày 29/12/2012, Ngân hàng Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/3/2021, Công ty B1 còn nợ: 8.873.924.379 đồng (nợ gốc: 2.072.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.623.122.897 đồng; lãi quá hạn: 2.178.301.482 đồng) (kèm theo bảng tổng hợp nợ lãi). Do đó, Ngân hàng Đ yêu cầu:

Công ty B1 trả ngay cho Ngân hàng Đ tổng số nợ còn thiếu (tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) của 08 hợp đồng nêu trên, tính đến ngày 24/3/2021 là 8.873.924.379 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2021 đến ngày Công ty B1 trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại từng hợp đồng còn dư nợ gốc.

Trường hợp Công ty B1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Đ yêu cầu phát mãi các tài sản bảo đảm gồm 11 lô máy móc thiết bị để thu hồi nợ cho Ngân hàng Đ.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Bao bì B1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ theo 02 đợt cấp tín dụng.

- **Khoản cấp tín dụng đợt 1** gồm 13 Hợp đồng vay, tổng số tiền vay 19.815.000.000 đồng; tài sản thế chấp là nhà đất tại Lô O14, khu dân cư M, Phường C, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số H.0020-12/HĐTC-BL ngày 07/11/2012; do ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 thế chấp để bảo lãnh cho số tiền vay tối đa là 19.300.000.000 đồng.

Tại biên bản thỏa thuận về việc giao tài sản cho Ngân hàng để cầm trả nợ ngày 25/7/2014, giữa Ngân hàng Đ (bên nhận tài sản bảo đảm), Công ty B1 (bên vay vốn) và ông Huỳnh Văn M, bà Bùi Thị Hồng T4 (bên bảo đảm) đã thỏa thuận thống nhất giao tài sản cho Ngân hàng Đ để trả nợ cho Công ty B1. Do ông M, bà T4 không thực hiện thỏa thuận nên Ngân hàng Đ đang khởi kiện ông M, bà T4 tại Tòa án nhân dân quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, Ngân hàng Đ không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ gốc của 13 hợp đồng tín dụng này nên Công ty B1 không có ý kiến.

Đối với khoản tiền lãi 9.590.030.060 đồng của 13 hợp đồng tín dụng, thời hiệu khởi kiện đã hết vì theo bảng kê lãi và đơn khởi kiện, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ lãi quá hạn từ năm 2014. Ngân hàng đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ năm 2014 nhưng đến năm 2021 mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện; quy định tại Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP và Công văn số 02/2021/TANDTC-PC về việc áp dụng thời hiệu thì khoản tiền nợ lãi phát sinh đã hết thời hiệu khởi kiện; Công ty B1 đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền lãi của 13 hợp đồng trên.

- **Khoản cấp tín dụng đợt 2** gồm 08 Hợp đồng vay vốn, tổng số tiền vay là 10.240.750.000 đồng; tài sản thế chấp là máy móc thiết bị của Công ty B1 theo 02 Hợp đồng thế chấp số H0027/HĐTC ngày 14/7/2009 và số H.0001-12/TC ngày 22/02/2012.

Trong 08 hợp đồng tín dụng trên, Công ty B1 chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 2.072.500.000 đồng; Công ty B1 đồng ý trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Đ; đồng ý thanh lý tài sản thế chấp để trả nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ gốc thì Công ty B1 tiếp tục trả nợ bằng tài sản khác. Tuy nhiên, hiện nay Công ty B1 không còn hoạt động và không có nguồn thu để trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng Đ yêu cầu trả tiền lãi của 08 hợp đồng vay với số tiền là 6.801.424.379 đồng thì Công ty B1 không đồng ý với lý do: Ngân hàng trình bày “Do Công ty B1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 29/12/2012 Đ Bank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn”; như vậy Ngân hàng đã

biết việc vi phạm trả nợ của Công ty B1 từ ngày 29/12/2012 nhưng đến năm 2021 nộp khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do đó, Công ty B1 yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết đối với khoản nợ lãi theo quy định tại Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP và Công văn số 02/2021/TANDTC-PC về việc áp dụng thời hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến: Công ty B1 mượn kho của Công ty TNHH M để chứa 11 lô máy là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Đ. Công ty TNHH M không thuê hoặc mượn tài sản trên để sử dụng. Trường hợp Tòa án yêu cầu thu hồi tài sản hoặc yêu cầu di dời 11 lô máy móc trên đến địa điểm khác, Công ty TNHH M đồng ý và không có ý kiến khác.

Ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 gửi văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án như sau:

- Công ty B1 vay vốn của Ngân hàng Đ để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Hợp đồng thế chấp bất động sản số H.0020-12/HĐTC-BL về việc dùng tài sản của ông M, bà T4 bảo đảm khoản vay của Công ty B1; nhưng hợp đồng thế chấp bị vô hiệu vì thời điểm thế chấp ông M, bà T4 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng không được đăng ký thế chấp.

- Biên bản thỏa thuận ngày 25/7/2014 về việc bàn giao tài sản thế chấp để cầm trả nợ vô hiệu do đối tượng thỏa thuận không thực hiện được.

- Ngân hàng không khởi kiện đối với yêu cầu nợ gốc, tài sản thế chấp và không yêu cầu cá nhân ông M, bà T4 có nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng.

Do đó, ông M và bà T4 yêu cầu Tòa án không đưa ông, bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trường hợp Tòa án có đưa ông bà tham gia tố tụng thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty TNHH Bao bì B1 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Bao bì B1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc 2.072.500.000 đồng (08 hợp đồng tín dụng).

Kể từ 25/3/2021 đến ngày Công ty TNHH Bao bì B1 trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại từng hợp đồng còn dư nợ gốc.

Buộc Công ty TNHH Bao bì B1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ lãi 9.590.030.060 đồng (13 hợp đồng tín dụng).

Buộc Công ty TNHH Bao bì B1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền lãi 6.801.424.379 đồng (08 hợp đồng tín dụng).

Tổng cộng: 18.463.954.439 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Bao bì B1 không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm của Công ty TNHH Bao bì B1 là 11 lô máy móc thiết bị tại Hợp đồng thế chấp số H0001-12/TC ngày 22/02/2012 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/02/2012 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Công ty TNHH M đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp và tự nguyện giao tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm của Công ty TNHH Bao bì B1. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH Bao bì B1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Ngày 20/7/2022, bị đơn Công ty TNHH Bao bì B1 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng phát sinh từ những hợp đồng vay vốn đã ký giữa các bên trong khoản cấp tín dụng đợt 1 (13 Hợp đồng tín dụng) và khoản cấp tín dụng đợt 2 (08 Hợp đồng tín dụng), từ đó bác yêu cầu thanh toán phần nợ lãi của Ngân hàng. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc còn lại cho Ngân hàng của 08 hợp đồng vay theo khoản cấp tín dụng lần thứ 2 với số tiền là 2.072.500.000 đồng.

Ngày 21/7/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKS-KDTM ngày 20/7/2022 đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với các lý do:

Đối với khoản cấp tín dụng đợt 1 (13 hợp đồng tín dụng): Các bên có thỏa thuận bàn giao tài sản thế chấp để cản trừ nợ gốc nhưng không thực hiện và đang tranh chấp tại Tòa án nhân dân quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Thông báo thụ lý số 0395 ngày 18/3/2021. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất là bất động sản nên thẩm quyền giải quyết thuộc về nơi có bất động sản. Tài sản thế chấp là của ông M, bà T4 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông M, bà T4 tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với khoản cấp tín dụng đợt 2 (08 Hợp đồng tín dụng): Tài sản thế chấp là 11 lô máy móc đang để tại kho của Công ty TNHH M, Tòa án đã lập biên bản xem xét thẩm định trong đó có 07 máy đang hoạt động và 04 máy bị tháo rời nhưng Tòa án không xem xét thẩm định từng máy bị tháo rời có đủ bộ phận cấu thành hay không?. Chưa làm rõ Ngân hàng Đ và Công ty TNHH M có thỏa thuận nào về việc gửi giữ tài sản hay không?. Không tiến hành kê biên, lập biên bản bàn giao tài sản thế chấp cho Công ty TNHH M hay dịch chuyển về kho của Ngân hàng Đ để đảm bảo việc thi hành án là không đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/12/2022:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Thời hiệu khởi kiện đối với những hợp đồng vay vốn ở hai đợt cấp tín dụng đã hết vì các hợp đồng vay đều có thời hạn 06 tháng trong khoản thời gian năm 2011-2012. Đến ngày 25/7/2014, ngân hàng lập biên bản chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn, từ thời điểm này ngân hàng đã biết quyền lợi của mình bị xâm phạm, đến ngày 24/3/2021 ngân hàng mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả tiền gốc cho nguyên đơn, không trả tiền lãi.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện chưa đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, cụ thể:

Đối với tiền nợ lãi của 02 khoản cấp tín dụng: Hằng năm hai bên đều có văn bản đối chiếu và xác nhận nợ gốc, nợ lãi; tại biên bản làm việc ngày 26/01/2021, bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc và đồng ý trả tiền nợ gốc, còn nợ lãi bị đơn xin miễn, giảm một phần. Việc hai bên đối chiếu và xác nhận nợ hàng năm nêu trên được xem là có sự thỏa thuận lại thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012. Do đó, ngày 24/3/2021, Ngân hàng Đ nộp đơn khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1, nhận thấy:

Tòa án nhân dân quận B2 đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Đ với bị đơn ông M, bà T4 và Tòa án nhân dân thị xã T1 đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với bị đơn Công ty Bao bì B1; cả hai vụ án đều có liên quan đến tài sản thế chấp là lô đất tại quận B2 của ông M, bà T4. Tòa án nhân dân quận B2 chưa giải quyết nên không thể giải quyết yêu cầu thanh toán phần nợ lãi trong khoản cấp tín dụng đợt 1 trước phần nợ gốc (vì nợ lãi xuất phát từ nợ gốc, giải quyết phần nợ lãi nhưng nợ gốc và tài sản thế chấp chưa được giải quyết là giải quyết không triệt để vụ án) nhưng Tòa án không đưa ông M và bà T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án nhân dân thị xã T1 thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp phần nợ lãi của khoản cấp tín dụng đợt 1 là không đúng thẩm quyền.

Đối với tài sản thế chấp là 11 lô máy móc thiết bị hiện bị đơn Công ty TNHH Bao bì B1 gửi tại Công ty TNHH M nhưng quyết định của bản án cấp sơ thẩm không xác định rõ trách nhiệm của Công ty TNHH M theo quy định tại

Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 để đảm bảo cho việc thi hành án là không đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Bao bì B1, chấp nhận kháng nghị số 21/QĐ-VKS-KDTM ngày 20/7/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1 và tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty B1 trả tiền gốc và lãi của khoản cấp tín dụng đợt 2 gồm 08 Hợp đồng vay, trong đó có hợp đồng số H.0009/12 ngày 23/7/2010 nhưng trong hồ sơ không có hợp đồng tín dụng này; bảng kê tiền lãi Hợp đồng tín dụng kèm theo đơn kiện ghi Hợp đồng số H.0009/12 ngày 09/7/2009, trong hồ sơ cũng không có hợp đồng này. Chứng cứ kèm theo đơn kiện chỉ có 07 Hợp đồng vay vốn của khoản cấp tín dụng đợt 2, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ là Hợp đồng vay vốn số H.0009/12 ký vào năm nào là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng Đ giao nộp chứng cứ là 07 hợp đồng vay vốn của khoản cấp tín dụng đợt 2, trong 07 hợp đồng này đều ghi nhận nội dung thế chấp các tài sản như sau: 92,25 tấn + 32 tấn hạt nhựa; nhà đất số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng; một phần nhà Lô 014, khu dân cư M, Phường C, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh và lô 11 máy móc thiết bị của Công ty B1. Tuy nguyên đơn khởi kiện và chỉ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là “lô 11 máy móc thiết bị” không yêu cầu phát mãi liên quan đến các tài sản khác nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải làm rõ tình trạng của các tài sản thế chấp còn lại như thế nào để đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện và đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các bên thỏa thuận như thế nào về các tài sản thế chấp đã nêu trong hợp đồng là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[1.3] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát về phần xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị, các bên thỏa thuận thế chấp, hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp do hai bên thỏa thuận về địa điểm, bảo quản và sử dụng; tại các Biên bản làm việc ngày 21/4/2016, 20/6/2014, 30/10/2017, 31/7/2017, 21/4/2016, 22/5/2019, 22/4/2015, 02/02/2016 và 26/01/2021, bị đơn đều có yêu cầu nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp nhưng nguyên đơn không xử lý; khi ngừng hoạt động, trả mặt bằng, bị đơn thông báo cho nguyên đơn xử lý tài sản

thế chấp hoặc bị đơn di chuyển về kho của Công ty TNHH M nhưng nguyên đơn không có ý kiến. Tài sản thế chấp là của đương sự giữ gìn, bảo quản; các bên không tranh chấp về quyền sở hữu tài sản; các bên thống nhất về tài sản thế chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Việc yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định từng máy bị tháo rời có đủ bộ phận cấu thành hay không?. Làm rõ Ngân hàng Đ và Công ty TNHH M có thỏa thuận nào về việc gửi giữ tài sản hoặc kê biên, lập biên bản bàn giao tài sản thế chấp cho Công ty TNHH M hay dịch chuyển về kho của Ngân hàng Đ là không cần thiết và vượt quá phạm vi khởi kiện, phạm vi yêu cầu của đương sự. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét thẩm định, định giá thực tế tài sản thế chấp để xử lý theo quy định của pháp luật.

Do đó, nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1 là chưa phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất đối với khoản cấp tín dụng đợt 1 bao gồm: Hợp đồng vay vốn số 03401H0371/1 ngày 19/12/2011; Hợp đồng vay vốn số 03401H0446/1 ngày 30/10/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0373/1 ngày 22/12/2011; Hợp đồng vay vốn số 03401H0376/1 ngày 06/01/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0378/1 ngày 10/01/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0385/1 ngày 02/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0389/1 ngày 07/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0390/1 ngày 07/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0392/1 ngày 13/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0395/1 ngày 24/02/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0400/1 ngày 08/3/2012; Hợp đồng vay vốn số 03401H0401/1 ngày 15/3/2012 và Hợp đồng vay vốn số 03401H0428/1 ngày 06/9/2012.

Tổng số tiền vay của 13 hợp đồng trên là 19.815.000.000 đồng.

Bảo lãnh cho số tiền vay của 13 Hợp đồng ở trên của Công ty B1, ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 ký Hợp đồng thế chấp số H.0020-12/HĐTC-BL ngày 07/11/2012 với Ngân hàng Đ; theo đó tài sản thế chấp là nhà đất tại Lô O14, khu dân cư M, Phường C, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp là “Hợp đồng mua bán nhà do Công ty Đầu tư và Phát triển Đ bán cho ông Nguyễn Quốc T5 vào ngày 19/4/1996 và đến ngày 14/4/2005, ông Nguyễn Quốc T5 bán lại (hình thức là giấy đề nghị chuyển tên hợp đồng) cho ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4; lãnh đạo Công ty Đầu tư và Phát triển Đ ký duyệt vào đơn”; nghĩa vụ bảo lãnh tối đa của ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Hồng T4 đối với tài sản thế chấp là 19.300.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/7/2014, Ngân hàng Đ, Công ty B1 và ông Huỳnh Văn M, bà Bùi Thị Hồng T4 ký biên bản thỏa thuận về việc giao tài sản cho Ngân hàng để trừ nợ. Theo nội dung biên bản thỏa thuận thì các bên thống nhất: *nợ gốc + lãi phát sinh của 13 Hợp đồng nêu trên tính đến ngày 22/7/2014 là 34.585.413.831 đồng, giá trị tài sản thế chấp để bàn giao là 22.981.500.000 đồng; Ngân hàng Đ*

cho ông M, bà T4 thuê lại với giá 25.000.000 đồng/tháng, trong thời hạn 06 tháng ông M, bà T4 được quyền chuộc lại tài sản đã bàn giao; số tiền lãi được tiếp tục tính 13% cho Công ty B1 trên giá trị tài sản chuyển giao kể từ ngày Ngân hàng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Công ty B1 phải có nghĩa vụ trả nợ còn lại sau khi xử lý tài sản...

Sau khi ký biên bản thỏa thuận, ông M và bà T4 tiếp tục sử dụng tài sản; đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ngày 17/02/2016. Ông M, bà T4 không thực hiện thỏa thuận nên Ngân hàng Đ khởi kiện “yêu cầu thực hiện thỏa thuận bàn giao tài sản” tại Tòa án nhân dân quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo thụ lý vụ án số 0395 ngày 18/3/2021. Tại Văn bản số 1792 ngày 21/11/2022, Tòa án nhân dân quận B2 trả lời Tòa án là vụ án vẫn chưa có kế hoạch xét xử sơ thẩm.

Ông M, bà T4 trình bày lý do không thực hiện thỏa thuận vì hợp đồng thế chấp bị vô hiệu, thỏa thuận bàn giao tài sản bị vô hiệu do tại thời điểm thế chấp và thời điểm ký biên bản thỏa thuận thì ông M, bà T4 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà; hợp đồng thế chấp không có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Như vậy, 13 hợp đồng vay vốn nêu trên và Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo số tiền vay của 13 hợp đồng có những mục đích và điều kiện ràng buộc lẫn nhau nên phải giải quyết chung trong một vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét yêu cầu tranh chấp về tiền lãi của 13 hợp đồng trong một vụ án riêng biệt là chưa đảm bảo giải quyết vụ án một cách toàn diện, khách quan, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Phần nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1 là có căn cứ.

[2.2] Nguyên đơn trình bày và xuất trình chứng cứ đối với khoản cấp tín dụng đợt 2, bao gồm 08 Hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số H.0360/1 ngày 10/11/2011, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp là 92,25 tấn hạt nhựa. Ngày 01/8/2012, hai bên ký phụ lục hợp đồng thay đổi tài sản thành nhà đất số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng + một phần nhà Lô 014, khu dân cư M, Phường C, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh và 11 máy móc thiết bị của Công ty B1.

- Hợp đồng vay vốn số H.0364/1 ngày 06/12/2011, số tiền vay 830.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp là 32 tấn hạt nhựa. Ngày 01/8/2012, hai bên ký phụ lục hợp đồng thay đổi tài sản.

- Hợp đồng vay vốn số H.0366/1 ngày 09/12/ số 442/2, tài sản thế chấp gồm: Nhà và đất tại số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng + một phần tài sản nhà lô 014, khu dân cư M, Phường C,

quận B2 và 11 máy móc thiết bị của Công ty B1, số tiền vay 2.140.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp là tổng tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

- Hợp đồng vay vốn số H.0374/1 ngày 28/12/2011, số tiền vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp là tổng tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

- Hợp đồng vay vốn số H.0404/1 ngày 21/03/2012, số tiền vay 917.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp gồm: Nhà và đất tại số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng + một phần tài sản nhà lô 014, khu dân cư M, Phường C, quận B2 và lô 11 máy móc thiết bị của Công ty B1.

- Hợp đồng vay vốn số H.0406/1 ngày 27/3/2012, số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp gồm: Nhà và đất tại số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng + một phần tài sản nhà lô 014, khu dân cư M, Phường C, quận B2 và 11 máy móc thiết bị của Công ty B1.

- Hợp đồng vay vốn số H.0447 ngày 01/11/2012, số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản thế chấp gồm: Nhà và đất tại số 442/2, Phan Xích L, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất tại K36, tờ bản đồ số KT01/1, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng + một phần tài sản nhà lô 014, khu dân cư M, Phường C, quận B2 và 11 máy móc thiết bị của Công ty B1.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ giao nộp 07 hợp đồng vay vốn.

[3] Như đã phân tích tại phần [1.1],[1.2] và [2.1], Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thể khắc phục được tại Tòa án cấp phúc thẩm; cần phải hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiên cứu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1 là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì B1.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKS-KDTM ngày 20/7/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã T1 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì B1 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1 trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bao bì B1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006143 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T1;
- TAND thị xã T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Tổ Hành chính Tư pháp; Tòa K.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa